TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/KDTM-ST
Ngày: 14-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Kiều Hạnh.
2/ Ông Nguyễn Chí Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2018/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng T
Trụ sở: số 57 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn K, sinh năm 1987.
Địa chỉ: số 214 đường AB, Phường 3, quận P, Thành phố H.
(Văn bản ủy quyền số 139/2018/UQ-TPB.LC ngày 07/06/2018)

2/ Bị đơn: Công ty M.
Trụ sở: số 146 đường L, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm K, sinh năm 1975, chức danh: Giám đốc.
Địa chỉ: số 32 đường G, khu phố 6, phường H1, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp abc của Công ty M, đăng ký lần đầu ngày 31/05/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/10/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25/10/2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 26/12/2017 và ngày 07/06/2018 của Ngân hàng T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn K người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/01/2017, Ngân hàng T (gọi tắt là T) và Công ty M ký Hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐTD/TTB MN2/01, theo đó T cho Công ty M vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích: mua xe theo Hợp đồng mua bán ô tô số 251/MBOTO/2016 giữa Công ty C và Công ty M ngày 12/12/2016, thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 17/01/2017 đến ngày 17/01/2022), lãi suất áp dụng theo quy định của T tại thời điểm giải ngân.

Công ty M đã có văn bản đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 38/2017/GNN/TTB MN2/01 ngày 17/01/2017 được T chấp thuận.

T đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty M mở tại T.

Để đảm bảo cho khoản vay, cùng ngày Công ty M đã thế chấp xe ô tô Mitshubishi OutLander màu xám, biển số LMN, số khung GMYXTGF, số máy SH theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 123 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2017 cho T theo Hợp đồng thế chấp số 38/2017/HDBD/TTB MN2/01. Hợp đồng thế chấp tài sản này đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi giải ngân, từ ngày 06/02/2017 đến ngày 05/08/2017, Công ty M đã thanh toán cho T số tiền 138.172.687 đồng trong đó có 100.000.002 đồng tiền nợ gốc và 38.172.685 đồng tiền lãi. Từ tháng 08 năm 2017 cho đến nay, Công ty M không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho T dù T đã có văn bản nhắc nợ nhiều lần.

Do Công ty M liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên T đã chuyển toàn bộ nợ của Công ty M sang nợ quá hạn theo Thông báo số 1051/2017/TB-TPB.LC ngày 25/10/2017 và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải thanh toán cho T số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 998.656.173 đồng trong đó nợ gốc là 899.999.998 đồng (nợ gốc trong hạn 683.333.327 đồng, nợ gốc quá hạn theo Lịch trả nợ 216.666.671 đồng), lãi chậm trả trên gốc quá hạn là 17.952.396 đồng, lãi quá hạn theo Lịch trả nợ 80.703.779 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Công ty M còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 ngày 17/01/2017 được ký giữa T và Công ty M.

Nếu Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu Mitsubishi OutLander, màu xám, biển số LMN, số khung JMYXTGF, số máy SH theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 123 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2017 cho Công ty M theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 38/2017/HDBD/TTB MN ngày 17/01/2017 để thu hồi nợ.

Số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên nếu không thanh toán hết khoản nợ thì Công ty M phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho T cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng Công ty M vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục thụ lý, cấp tống đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí đúng theo qui định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Gửi quyết định xét xử cho các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, cũng như việc gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định pháp luật. Xác định đúng người tham gia tố tụng trong vụ án, tại phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự đúng theo của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền của đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T do Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐTD/TTB MN2/01 và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 38/2017/HDBD/TTB MN2/01 trong trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nói trên.

Án phí dân sự sơ thẩm Công ty M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: T khởi kiện yêu cầu Công ty M phải trả cho T số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số

38/2017/HDTD-TTB MN2/01 ngày 17/01/2017 nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp abc của Công ty M, đăng ký lần đầu ngày 31/05/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/10/2017 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp kèm theo Văn bản số 0354/ĐKKD-THKT ngày 15/01/2018 thì Công ty M có trụ sở chính tại số 146 đường L, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và đến nay Công ty M chưa đăng ký giải thể nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn K tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền số 139/2018/UQ-TPB.LC ngày 07/6/2018 của T. Việc ủy quyền là hợp lệ nên chấp nhận.

Bị đơn Công ty M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt (không có mặt người đại diện theo pháp luật cũng như người đại diện theo ủy quyền) mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty M.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét Hợp đồng cho vay số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 ngày 17/01/2017 giữa T và Công ty M:

T hoạt động trong các lĩnh vực thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0102744865 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 11/11/2016. T chi nhánh Hùng Vương hoạt động theo ủy quyền của T theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0102744865-018 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/06/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/07/2015. Công ty M là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam có nhu cầu vay vốn mua xe để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do đó T chi nhánh Hùng Vương ký kết hợp đồng cho vay số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 ngày 17/01/2017 với Công ty M để cấp tín dụng theo mục đích doanh nghiệp đã nêu là phù hợp với những quy định của pháp luật về hình thức, nội dung của Hợp đồng tín dụng được quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, và các quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết nên đây là Hợp đồng tín dụng hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

Ngày 17/01/2018, Công ty M có Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 38/2017/GNN/TTB MN2/01 và đã được T đồng ý giải ngân với nội dung thỏa thuận: số tiền vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 17/01/2017 đến ngày 17/01/2022), lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ cho đến ngày 17/01/2018 là 7,9%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 17/01/2022 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi cơ sở của T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,85%/năm, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/01/2022, kỳ hạn trả nợ lãi 1 tháng 1 lần vào ngày 05, trả nợ gốc 1 tháng 1 lần theo Lịch trả nợ của T. Xét nội dụng các bên thỏa thuận nêu trên phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng đã viện dẫn trên nên các bên có nghĩa vụ thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo.

Thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng, ngày 17/01/2017, T đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty M.

Theo Sổ phụ chi tiết tài khoản vay của Công ty M, Lịch trả nợ và thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của T thì Công ty M đã trả được cho T với tổng số tiền 138.172.687 đồng trong đó có 100.000.002 đồng tiền nợ gốc và 38.172.685 đồng tiền lãi; Từ tháng 08 năm 2017 cho đến nay Công ty M không thực hiện việc trả nợ cho T. Căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, trong đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, việc T chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Công ty M phải trả cho T toàn bộ số tiền nợ gốc 899.999.998 đồng (nợ gốc trong hạn 683.333.327 đồng, nợ gốc quá hạn theo Lịch trả nợ 216.666.671 đồng), lãi chậm trả trên gốc quá hạn là 17.952.396 đồng, lãi quá hạn theo Lịch trả nợ 80.703.779 đồng và yêu cầu Công ty M phải thanh toán cho T số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp nên chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 38/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 17/01/2017, thì Công ty M tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là xe ô tô hiệu Mitsubishi OutLander, màu xám, biển số LMN, số khung JMYXTGF, số máy SH theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 123 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2017 cho T để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 ngày 17/01/2017. Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/01/2017 và có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 117, 118, 119, 292, 295, 298, 320 và Điều 322 của Bộ luật dân sự năm 2015,

Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên căn cứ thỏa thuận của các bên tại mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng thế chấp số 38/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 17/01/2017, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của T về việc xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nói trên trong trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 ngày 17/01/2017

[4] Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty M phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 36.000.000 đồng + [3% x (998.656.173 đồng - 800.000.000 đồng)] = 41.959.685 đồng;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 292, 295, 320, và Điều 322 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T:

Buộc Công ty M phải thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng T số tiền còn thiếu theo Hợp đồng cho vay số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cùng ghi ngày 17/01/2017, tổng cộng là 998.656.173đ (chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi ba đồng) trong đó tiền nợ gốc là 899.999.998đ (tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) (nợ gốc trong hạn 683.333.327 đồng, nợ gốc quá hạn theo Lịch trả nợ 216.666.671 đồng), lãi chậm trả trên gốc quá hạn là 17.952.396đ (mười bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng), lãi quá hạn theo Lịch trả nợ 80.703.779đ (tám mươi triệu bảy trăm lẻ ba nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty M còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nói trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất Công ty M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

Ngay sau khi Công ty M thanh toán hết nợ, Ngân hàng TMCP Tiên Phong có trách nhiệm trả lại cho Công ty M bản chính các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 123 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2017 cho Công ty M đối với xe ô tô hiệu Mitsubishi Outlander, màu xám, biển số LMN, số khung JMYXTGF, số máy SH;
- Hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số 17/LAN/NV1/5100/000024 ngày 16/01/2017 giữa Công ty M, Ngân hàng T và Công ty B;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 60079579 do Công ty B cấp cho Công ty M;
- Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu số 266811 ngày 05/12/2016;
- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000438 ngày 09/01/2017 giữa người bán Công ty C với người mua hàng Công ty M.

Trường hợp Công ty M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 38/2017/HDTD-TTB MN2/01 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cùng ghi ngày 17/01/2017 thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu Mitsubishi OutLander, màu xám, biển số LMN, số khung JMYXTGF, số máy SH theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 123 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2017 cho Công ty M, theo Hợp đồng thế chấp số 38/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 17/01/2017 giữa Ngân hàng T và Công ty M.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

Công ty M phải chịu án phí sơ thẩm là 41.959.685đ (bốn mươi mốt triệu chín trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 19.745.088đ (mười chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm tám mươi tám đồng) tạm ứng án phí Ngân hàng T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003815 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Công ty M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.9;
- Chi cục THADS Q.9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hợi